

Bản án số: 94/2026/HS-ST

Ngày: 04-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng và bà Lê Thị Huyền;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên;

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Tú,
Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2026, tại trụ sở; Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2026/TLST-HS ngày 21/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2026/QĐXXST-HS ngày 21/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Nguyễn Thị N** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25/4/1967 (CMND/CCCD số: 033167004446); nơi cư trú: thôn 5, xã H, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (Đã chết) và con bà Đặng Thị H (đã chết); chồng: Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1962; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* ***Bị hại:*** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958 (đã chết ngày 12/01/2026);

Người Đại diện H pháp của bị hại và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: thôn B, xã H, tỉnh Hưng Yên. (có mặt)

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1983; (có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: thôn 5, xã H, tỉnh Hưng Yên.

* ***Người làm chứng:***

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: thôn 7, xã H, tỉnh Hưng Yên;

+ Bà Cao Thị V, sinh năm 1962; (có mặt)

+ Ông Vũ Văn C, sinh năm 1965; (có mặt)

+ Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn B, xã H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/6/2025, Nguyễn Thị N, sinh năm 1967, ở thôn 5, xã H, tỉnh Hưng Yên điều khiển xe máy điện nhãn hiệu SUFAT, sơn màu đen, treo biển số 89MD1-152.75, có công suất động cơ 500W đi trên đường ĐH63 theo chiều từ đường ĐT376 đi thôn B, xã H, tỉnh Hưng Yên. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, N điều khiển xe đi tốc độ khoảng 15 km/h đến khu vực cổng Miếu thôn B. Lúc này N nhìn thấy phía trước cùng chiều đi cách khoảng 10m có bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958, ở thôn B đang điều khiển xe đạp màu đỏ nhạt đi một mình theo hướng từ bên phải đường di chuyển dần sang bên trái đường tại khu vực giữa đường. N bấm còi và điều khiển xe máy điện đi cách vạch sơn màu vàng nét đứt phân chia hai chiều đường khoảng gần 01m. Khi xe máy điện của N cách xe đạp của bà V khoảng 01m thì N điều khiển xe máy điện tránh sang bên trái, nhưng do khoảng cách giữa hai xe quá gần, nên phần chắn bùn phía trước bánh xe trước và mặt ngoài bánh trước bên phải của xe máy điện đã đâm va vào mặt dưới phía ngoài thanh kim loại gắn lò xo chân chống bên trái xe đạp và khung sườn xe bên trái của xe đạp, làm xe máy điện và N đổ xuống phần đường ngược chiều, còn bà V và xe đạp bị đẩy lao về phía trước khoảng 06m sau đó bà V ngã, xe đạp đổ xuống phần đường ngược chiều bên trái. Hậu quả: N bị thương tích nhẹ, bà V bị chấn thương sọ não phải 05 lần đi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên (Cụ thể: từ ngày 12/6/2025 đến ngày 18/7/2025; từ ngày 17/8/2025 đến ngày 25/8/2025; từ ngày 09/9/2025 đến ngày 26/9/2025; từ ngày 06/11/2025 đến ngày 18/11/2025 và từ ngày 04/12/2025 đến ngày 05/12/2025 ra viện); hai phương tiện bị hư hỏng.

Ngày 13/6/2025, chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 ở thôn B, xã H là con dâu của bà V có đơn trình báo sự việc đến Công an xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên (nay là Công an xã H, tỉnh Hưng Yên) và Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên. Cùng ngày, Phòng Cảnh sát giao thông đã quản lý của chị H 01 xe đạp màu đỏ nhạt, quản lý của N 01 xe máy điện biển số 89MD1-152.75. Ngày 11/8/2025, Phòng Cảnh sát giao thông đã chuyển toàn bộ hồ sơ, phương tiện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên.

Tại biên bản dựng lại hiện trường xác định: Hiện trường là Đạn đường ĐH63 bằng phẳng thuộc thôn B, xã H, có vạch sơn màu vàng nét đứt ở giữa chia hai chiều đường. Chiều từ đường ĐT376 đi hướng thôn B, xã H rộng 3,5m; Chiều ngược lại rộng 3,35m. Chọn cột biển báo số 207 (Biển báo giao nhau với đường không ưu tiên) chiều từ đường ĐT376 đi hướng thôn B (UBND xã H cũ) làm điểm mốc cố định, lấy mép đường bên phải đi hướng thôn B làm mép chuẩn. Từ điểm cố định về hướng đường ĐT376 khoảng cách 05m là vị trí giữa khung xe máy điện biển số: 89MD1-152.75, ký hiệu (1). (1) đổ nghiêng bên trái, đầu xe hơi chệch về phía bên trái hướng đi thôn B, đuôi xe hướng đi đường ĐT376. Tâm trục bánh sau (1) cách mép chuẩn 4,9m, tâm trục bánh trước (1) cách mép chuẩn 5,35m. Cách (1) 05m về hướng thôn B là vị trí xe đạp màu đỏ nhạt, ký hiệu (2). (2) đổ nghiêng bên trái, đầu xe quay

hướng đi thôn B, đuôi xe quay hướng đi đường ĐT376. Từ tâm trục bánh trước (1) đến tâm trục bánh sau (2) 5m, đến tâm trục bánh trước (2) 5,9m. Tâm trục bánh sau (2) cách mép chuẩn 5,05m, tâm trục bánh trước (2) cách mép chuẩn 14,4m. (2) cách 4,6m hướng đi đường ĐT376 là vị trí Nguyễn Thị Nắm sau khi xảy ra va chạm tại lề đường bên trái theo hướng đi thôn B, ghi ký hiệu (3). (3) cách mép chuẩn 7m, cách 04m về hướng đi thôn B là vị trí bà Nguyễn Thị V nằm sau khi xảy ra va chạm, ký hiệu (4). (4) cách mép chuẩn 6,9m. Cách (1) 4,5m hướng đi đường ĐT376 là tâm lõi mở đường bê tông đi ra cánh đồng, lõi mở rộng 5,3m. Cách (1) 05m hướng đi thôn B có biển báo số 207 (Biển báo giao nhau với đường không ưu tiên) cắm ở bên phải đường. Cách (1) 78m hướng đi đường ĐT376 có biển báo số 207 (Biển báo giao nhau với đường không ưu tiên) cắm bên trái đường.

Tại biên bản khám nghiệm xe máy điện nhãn hiệu SUFAT, sơn màu đen, treo biển số 89MĐ1-152.75 xác định: Giỏ xe phía trước bị bung bật khỏi vị trí ban đầu; Mặt ngoài bên trái giỏ xe có vết mài xước sơn kích thước (05x0,5)cm, chiều hướng từ trước về sau từ ngoài vào trong. Ốp đèn pha phía trước bị bung bật, khỏi vị trí ban đầu. Đèn tín hiệu bên trái bị bung rời chột hãm. Mặt trước bên phải chắn bùn bánh trước có dấu vết gãy vỡ mất miếng, mài xước nhựa kích thước (13x8)cm, dấu vết có chiều từ trước về sau. Dấu vết cách mặt đất 40cm, cách tâm trục bánh trước 22cm, hai bên chột cổ định bị gãy. Mặt ngoài má lốp bánh trước bên phải có vết mài chùi mất lớp bụi đất và cao su bên ngoài có kích thước (13x17)cm, dấu vết có chiều hướng theo chiều tịnh tiến của xe, cách chân van theo chiều tịnh tiến của xe 27cm, cách tâm trục bánh trước 16cm. Mặt ngoài yên xe bên trái có vết rách kích thước (09x03)cm.

Tại biên bản khám nghiệm xe đạp màu đỏ nhạt xác định: Tay lái bị lệch so với vị trí ban đầu, theo hướng từ bên trái qua bên phải khoảng 10 độ. Phía dưới của thanh kim loại thân khung dưới có vết mài xước mất lớp sơn màu đỏ bám dính chất màu đen, kích thước (06x03)cm, chiều từ trên xuống dưới, từ trước về sau. Dấu vết cách tâm trục bàn đạp bên trái 23cm, cách mặt đất 36cm. Cạnh ngoài bàn đạp bên trái người điều khiển có vết mài xước nhựa, kim loại, kích thước (6x2)cm, tâm vết cách tâm trục bàn đạp 19cm có chiều từ sau trước. Tại vị trí góc ba ga phần kim loại phía sau xe bị lệch khỏi vị trí ban đầu theo chiều từ bên trái sang bên phải. Chấn bùn kim loại bánh xe phía sau bị lệch khỏi vị trí ban đầu theo chiều từ bên trái sang bên phải. Thanh kim loại gác ba ga phía sau xe đạp bên trái có dấu vết trầy xước kim loại, kích thước (05x01)cm, tâm vết cách mặt đất 66cm. Mặt dưới phía ngoài thanh kim loại gắn lò xo chân chống bên trái người điều khiển có dấu vết mài xước bám dính chất màu đen kích thước (4,5x1,7)cm, theo chiều từ trước về sau, cách mặt đất 30cm, cách tâm trục bánh xe phía sau 13,5cm.

Tại Bệnh án Ngoại khoa số 25041461 ngày 18/7/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên thể hiện: Bà Nguyễn Thị V vào viện ngày 12/6/2025; Mô tả: Vùng chấn nề nhẹ, không có vết thương rách da; Chẩn Đoán: Chấn thương sọ não: Máu tụ dưới màng cứng bán cầu phải/Tăng huyết áp - Viêm dạ dày - Loét trực tràng. Điều trị: Mô giải tỏa não lấy máu tụ; Dùng thuốc theo Y lệnh. Ra viện: Ngày 18/7/2025.

Tại Bệnh án Nội khoa số 2500252 ngày 25/8/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên thể hiện: Bà Nguyễn Thị V vào viện ngày 17/8/2025. Chẩn Đoán: Suy hô hấp cấp; Co giật, chưa phân loại; Động kinh: Viêm phổi, tác nhân không xác

định; Co giật, chưa phân loại ở nơi khác: Tổn thương nội sọ. Điều trị: Điều trị nội khoa; Dùng thuốc theo Y lệnh; Thuốc chống động kinh. Ra viện: Ngày 25/8/2025.

Tại Bệnh án Ngoại khoa số 2500465 ngày 26/9/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên thể hiện: Bà Nguyễn Thị V vào viện ngày 09/9/2025. Mô tả: Vết mổ bán cầu phải liền sẹo tốt, vùng khuyết xương lõm. Yếu nửa người trái. Chẩn Đoán: Khuyết xương sọ/Loét cùng cụt. Điều trị: Phẫu thuật và khuyết sọ: Dùng thuốc theo Y lệnh. Ra viện: Ngày 26/9/2025.

Tại Bệnh án Nội khoa số 2500599 ngày 06/11/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên thể hiện: Bà Nguyễn Thị V vào viện ngày 06/11/2025. Chẩn Đoán: Viêm phổi, tác nhân không xác định, động kinh, bệnh lý tăng huyết áp, di chứng bệnh mạch máu não, co giật chưa phân loại ở nơi khác, chảy máu dưới màng cứng; Phương pháp điều trị: Kháng sinh, giảm đau, chống chóng mặt, dinh dưỡng não, kiểm soát huyết áp, cơn co giật. Ra viện: Ngày 18/11/2025.

Tại Bệnh án Nội khoa số 2501691 ngày 05/12/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên thể hiện: Bà Nguyễn Thị V vào viện ngày 04/12/2025. Chẩn Đoán: Co giật không đặc hiệu khác, rối loạn cân bằng nước, điện giải và thăng bằng kiềm toan, động kinh, bệnh lý tăng huyết áp, đột quỵ không xác định do xuất huyết hay nhồi máu, di chứng tổn thương nội sọ. Phương pháp điều trị: kiểm soát cơn co giật, huyết áp, cân bằng điện giải. Ra viện: Ngày 05/12/2025.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 164/2025/KLTTCT-TTPY&GDYK ngày 04/11/2025 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa Sở y tế tỉnh Hưng Yên, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị V tại thời điểm giám định là 67% (Sáu mươi bảy phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích là do dạng va đập với vật cứng hoặc nền cứng gây nên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 23/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã H, tỉnh Hưng Yên, kết luận: 01 (Một) xe máy điện biển số 89MĐ1-152.75 bị hư hỏng, thiệt hại là: 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 23/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã H, tỉnh Hưng Yên, kết luận: 01 (Một) xe đạp màu đỏ nhạt đã qua sử dụng, bị hư hỏng thiệt hại là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng chẵn).

Tại bản kết luận giám định số 1907/KL- KTHS ngày 23/12/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Dấu vết mài trượt mất lớp bụi đất và cao su bên ngoài có kích thước (13x1,7)cm, nằm tại mặt ngoài má lốp bánh trước bên phải xe máy điện biển số 89MĐ1-152.75; Vị trí của dấu vết cách chân van 27 cm theo chiều tịnh tiến của xe, cách tâm trục bánh trước 16cm; dấu vết có chiều tịnh tiến của xe (ảnh 9, 11 trong bản ảnh giám định) phù H với dấu vết mài xước kim loại bám dính chất màu đen (dạng cao su) có kích thước (4,5x1,7) cm, nằm tại mặt dưới ngoài thanh kim loại gắn lò xo chân chống bên trái xe đạp; Vị trí của dấu vết cách mặt đường 30cm; cách tâm trục bánh xe phía sau 13,5cm, dấu vết có chiều từ sau về trước (ảnh 10, 12 trong bản ảnh giám định). Chiều hướng chuyển động của các phương tiện khi xảy ra tai nạn là di chuyển cùng chiều nhau.

Ngày 12/01/2026 bà V chết, chị Nguyễn Thị H có đơn trình báo và đề nghị giải phẫu tử thi để làm rõ nguyên nhân chết của bà V.

Tại bản Kết luận giám định số 269B/KL-KTHS ngày 20/01/2026 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Trong mẫu phủ tạng và chất chứa trong dạ dày ghi thu của tử thi Nguyễn Thị V gửi giám định đều không tìm thấy các chất độc thường gặp: xyanua; thuốc diệt chuột (nhóm chống đông máu, các muối photphua, fluoroacetat, tetramine); hóa chất bảo vệ thực vật (phospho hữu cơ, clo hữu cơ, carbamat, pyrethroid, sulfonyl urea, acetamid, triazin, paraquat, diquat, glyphosate, glufosinate, nereistoxin); alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, ô đầu-phụ tử và kim loại nặng độc.

Tại bản Kết luận giám định mô bệnh học số 269A/KL-KTHS ngày 03/02/2026 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Hình ảnh tổn thương viêm phế quản phổi; tim sung huyết, thoái hóa thiếu dưỡng, xơ hóa rải rác; các tạng còn lại sung huyết, thoái hóa tế bào.

Tại bản Kết luận giám định số 150/KLGĐTT-KTHS ngày 03/3/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1958, nơi thường trú: thôn B, xã H, tỉnh Hưng Yên, khám nghiệm ngày 12/01/2026 tại thôn B, xã H, tỉnh Hưng Yên chết là do: Suy hô hấp do viêm phế quản phổi trên người chấn thương sọ não đã phẫu thuật ghép xương sọ.

Ngày 31/3/2026, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên có công văn số 331 trả lời: Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu đăng ký xe và giấy tờ thực tế loại xe máy điện biển số 89MĐ1 - 152.75. Kết quả xe máy điện biển số 89MĐ1-152.75, nhãn hiệu SUFAT, không thể hiện công suất động cơ. Tuy nhiên, đối chiếu thực tế phương tiện xe máy điện nói trên thường có công suất dưới 1KW, khi điều khiển tham gia giao thông không yêu cầu phải có giấy phép lái xe.

Tại bản kết luận giám định số 918/KL-KTHS ngày 08/4/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Tại thời điểm giám định động cơ điện của xe máy điện gửi giám định có công suất Đ được là 500W.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe máy điện biển số 89MĐ1-152.75, đăng ký xe là anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989 ở thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên mua năm 2016, sau đó đã bán lại cho ai đến nay không nhớ. Năm 2023, N mua lại chiếc xe trên tại một cửa hàng xe máy cũ đến nay không nhớ địa chỉ với số tiền 3.000.000 đồng, khi mua không viết giấy tờ mua bán. Chiếc xe đạp màu đỏ nhạt là của bà Nguyễn Thị V. Ngày 14/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các phương tiện trên cho N và chị H đã nhận lại.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị can đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bà V số tiền 25.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị H là đại diện gia đình bà V đã nhận và yêu cầu bị can phải tiếp tục bồi thường chi phí cấp cứu, điều trị, tiền thuốc, thuê xe, mai táng phí, tiền ăn của bà V và người chăm sóc tổng số tiền là 150.500.448 đồng. Ngoài ra, còn yêu cầu bồi thường số tiền tổn thất thu nhập của bà V, số tiền tổn thất thu nhập của chị H, anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986 đều ở thôn B do phải chăm sóc bà V tại bệnh viện và tổn thất về tinh thần của bà V.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 129/CT-VKS-KV1 ngày 20/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải.

Người đại diện H pháp của bị hại, chị Nguyễn Thị H trình bày: Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình bà V nằm viện điều trị, bị cáo đã bồi thường được số tiền 25.000.000 đồng, ngoài ra bị cáo chưa bồi thường thêm được khoản nào khác. Nay đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí trong thời gian từ khi bà V bị tai nạn nằm viện cho đến khi bà V chết. Ngoài ra, yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất do mất thu nhập của bà V, của người chăm sóc bà V và tổn thất tinh thần cho bà V theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Đức L trình bày: Nhất trí với quan điểm đề nghị của chị Nguyễn Thị H, không có ý kiến bổ sung gì thêm.

+ Ông Nguyễn Trọng Đ trình bày: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N; về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 100.000.000 đồng gia đình bỏ ra để khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại là tiền của vợ chồng ông, ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết gì đối với số tiền này.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Đề nghị áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 590 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài H đồng; Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử phạt bị cáo N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã H, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. *Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án được cho hưởng án treo.* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N

phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại tổng số tiền từ 229.740.448 đến 241.440.448 đồng. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại số tiền 25.000.000 đồng và tự nguyện nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên số tiền 75.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại. Bị cáo N còn phải bồi thường số tiền từ 129.740.448 đồng đến 141.440.448 đồng. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét, xử lý. Về án phí: Bị cáo N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị N, đại diện H pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên và không ai có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây ra hậu quả nghiêm trọng, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo cải tạo tốt tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính H pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều H pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản dựng lại hiện trường, Kết luận giám định phương tiện, Kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 12/6/2025, tại Đạn đường ĐH63 thuộc địa phận thôn B, xã H. Nguyễn Thị N điều khiển xe máy điện biển số 89MĐ1- 152.75 đi trên đường ĐH63 theo hướng từ đường ĐT376 đi thôn B, xã H. Do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ và giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước, dẫn đến phần chắn bùn phía trước bánh trước bên phải và mặt ngoài má lốp bánh trước bên phải xe máy điện đâm vào phần thanh kim loại gắn lò xo chân chống bên trái xe đạp, sau đó trượt đâm vào phần giữa khung kim loại xe đạp do bà Nguyễn Thị V điều khiển đi phía trước cùng chiều, làm N và bà V ngã, hai phương tiện đổ tại phần đường ngược chiều. Hậu quả: bà V bị tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 67%, đến ngày 12/01/2026 bà V chết, xe đạp bị hư hỏng thiệt hại 100.000 đồng. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị N điều khiển xe máy điện tham gia giao thông tại khu vực có nhiều biển cảnh báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên, nhưng không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ và giữ khoảng cách an toàn với xe đi phía trước đã vi phạm khoản 1 Điều 10; khoản 1, 2 Điều 11; khoản 3 Điều 12 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ

năm 2024, gây hậu quả nghiêm trọng làm bà V tổn hại 67% sức khỏe sau đó chết. *Tại Điều 260 của Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường H sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) ...; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở L; ...”*. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của VKSND khu vực 1 - Hưng Yên truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến an toàn khi tham gia giao thông, gây mất an toàn công cộng và xâm phạm về sức khỏe của công dân, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho nhân dân khi tham gia giao thông nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có căn cứ, xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường một phần đáng kể để khắc phục hậu quả nhằm bù đắp một phần thiệt hại cho gia đình bị hại; bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận; bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Đăng Đ) được Hội đồng bộ trưởng tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, Hội đồng Chính Phủ tặng huy chương kháng chiến hạng hai, Chính phủ tặng kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đầy nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX nhận thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước, từ trước đến nay bị cáo không có vi phạm pháp luật gì và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi vô ý. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội và là người biết tuân thủ pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, không làm nghề lái xe nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại, chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị cáo N phải bồi thường các khoản chi phí với tổng số tiền 150.500.448 đồng. Ngoài ra, còn yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần, tiền mất

thu nhập của bà V và tổn thất thu nhập của người đi chăm sóc bà V trong thời gian bà V đi nằm viện không đi làm được. Cụ thể:

- Về tiền chi phí cho bà V đi khám và nằm viện điều trị là 06 lần.

Lần 1, Bệnh viện Đa khoa Hưng Yên (từ ngày 12/6/2025 đến ngày 18/7/2025) số tiền 14.627.297 đồng. Có bảng kê điều trị nội trú.

Lần 2, Bệnh viện Đa khoa Hưng Yên (từ ngày 17/8/2025 đến ngày 25/8/2025) số tiền 1.370.582 đồng. Có bảng kê điều trị nội trú.

Lần 3, Bệnh viện Đa khoa Hưng Yên (từ ngày 09/9/2025 đến ngày 26/9/2025) số tiền 7.072.927 đồng. Có bảng kê điều trị nội trú.

Lần 4, Bệnh viện Đa khoa Hưng Yên (từ ngày 06/11/2025 đến ngày 18/11/2025) số tiền 1.420.329 đồng. Có hoá đơn bán hàng.

Lần 5, Bệnh viện Đa khoa Hưng Yên (từ ngày 04/12/2025 đến ngày 05/12/2025) số tiền 251.532 đồng. Có hoá đơn bán hàng.

Lần 6, Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội (ngày 12/12/2025), khám bệnh và mua thuốc, số tiền 3.681.791 đồng. Có hoá đơn mua thuốc; hai lần khám có phiếu thu.

HDXX xét thấy: Đối với 05 lần bà V nằm viện điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên và 01 lần đi khám tại Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội hết tổng số tiền 28.424.458 đồng, đại diện H pháp của bị hại đều xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên yêu cầu này có căn cứ cần được xem xét chấp nhận toàn bộ.

- Về tiền mua thuốc ngoài điều trị cho bà V, có hoá đơn bán lẻ:

+ Tháng 6/2025: Ngày 13/6/2025 (01 hoá đơn): 2.310.000 đồng; ngày 14/6/2025 (03 hoá đơn): 2.380.000 đồng; ngày 15/6/2025 (01 hoá đơn): 2.970.000 đồng; ngày 16/6/2025 (01 hoá đơn): 1.380.000 đồng; ngày 17/6/2025 (01 hoá đơn): 960.000 đồng; ngày 18/6/2025 (01 hoá đơn): 2.880.000 đồng; ngày 19/6/2025 (01 hoá đơn): 2.160.000 đồng; ngày 20/6/2025 (01 hoá đơn): 1.480.000 đồng; ngày 23/6/2025 (01 hoá đơn): 900.000 đồng; ngày 24/6/2025 (01 hoá đơn): 1.180.000 đồng; ngày 26/6/2025 (01 hoá đơn): 260.000 đồng; ngày 27/6/2025 (01 hoá đơn): 960.000 đồng; ngày 29/6/2025 (01 hoá đơn): 1.050.000 đồng.

Tổng tiền mua thuốc tháng 6/2025 là: 20.870.000 đồng.

+ Tháng 7/2025: Ngày 10/7/2025 (01 hoá đơn): 680.000 đồng; ngày 18/7/2025 (01 hoá đơn): 2.130.000 đồng.

Tổng tiền mua thuốc tháng 7/2025 là: 2.810.000 đồng.

+ Tháng 8/2025: Ngày 05/8/2025 (01 hoá đơn): 2.470.000 đồng; ngày 18/8/2025 (01 hoá đơn): 80.000 đồng; ngày 25/8/2025 (02 hoá đơn): 1.086.000 đồng.

Tổng tiền mua thuốc tháng 8/2025 là: 3.636.000 đồng.

+ Tháng 9/2025: Ngày 11/9/2025 (01 hoá đơn): 606.000 đồng; ngày 26/9/2025 (02 hoá đơn): 3.910.000 đồng.

Tổng tiền mua thuốc tháng 9/2025 là: 4.516.000 đồng.

+ Tháng 10/2025: Ngày 07/10/2025 (01 hoá đơn): 236.000 đồng.

Tổng tiền mua thuốc tháng 10/2025 là: 236.000 đồng.

+ Tháng 11/2025: Ngày 18/11/2025 (01 hoá đơn): 877.990 đồng.

Tổng tiền mua thuốc tháng 11/2025 là: 877.990 đồng.

Ngoài ra, còn 05 hoá đơn bán lẻ, không ghi thời gian mua thuốc với tổng số tiền 05 lần mua là 8.736.000 đồng.

HĐXX xét thấy: Các hoá đơn mua thuốc ngoài nêu trên đều phục vụ cho việc cứu chữa, điều trị thương tích của bà V hết tổng số tiền 41.681.990 đồng. Đây là các phi phí hợp lý, có căn cứ nên yêu cầu này cần được xem xét chấp nhận toàn bộ.

- Về chi phí tiền thuê xe đi lại gia đình tự khai, không có hoá đơn:

Ngày 12/6/2025: 600.000 đồng; ngày 18/7/2025: 500.000 đồng; ngày 17/8/2025: 400.000 đồng; ngày 25/8/2025: 400.000 đồng; ngày 09/9/2025: 400.000 đồng; ngày 26/9/2025: 300.000 đồng; ngày 06/11/2025: 400.000 đồng; ngày 18/11/2025: 300.000 đồng; ngày 04/12/2025: 300.000 đồng; ngày 05/12/2025: 300.000 đồng; ngày 12/12/2025: 1.000.000 đồng.

HĐXX xét thấy: Các khoản chi phí thuê xe cho bà V nhập viện, ra viện tại Bệnh viện đa khoa Hưng Yên và đi khám tại Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội, tổng số là 11 lần, hết số tiền 4.900.000 đồng. Khoản chi phí thuê xe này mặc dù gia đình tự kê khai, không có hoá đơn, chứng từ. Tuy nhiên, các khoản chi phí thuê xe này là hợp lý nên yêu cầu này cần được chấp nhận toàn bộ.

- Về chi phí tiền ăn của người chăm nuôi và người bệnh:

Lần 1, từ ngày 12/6/2025 đến ngày 18/7/2025 là 37 ngày x 300.000 đồng/ngày = 11.100.000 đồng;

Lần 2, từ ngày 17/8/2025 đến ngày 25/8/2025 là 09 ngày x 300.000 đồng/ngày = 2.700.000 đồng;

Lần 3, từ ngày 09/9/2025 đến ngày 26/9/2025 là 18 ngày x 300.000 đồng/ngày = 5.400.000 đồng;

Lần 4, từ ngày 06/11/2025 đến ngày 18/11/2025 là 13 ngày x 300.000 đồng/ngày = 3.900.000 đồng;

Lần 5, từ ngày 04/12/2025 đến ngày 05/12/2025 là 02 ngày x 300.000 đồng/ngày = 600.000 đồng;

Lần 6, ngày 12/12/2025 là 200.000 đồng.

Đại diện hợp pháp của bị hại, chị Nguyễn Thị H tự kê khai về chi phí tiền ăn cho bà V và người chăm sóc bà V trong thời gian bà V đi nằm viện điều trị và đi khám hết tổng số tiền 23.900.000 đồng, không có hoá đơn, chứng từ. HĐXX xét thấy: Việc không đi cấp cứu, khám chữa bệnh thì người bệnh nhân và người chăm sóc bệnh nhân hàng ngày vẫn phải ăn uống. Tuy nhiên, bà V đang trong tình trạng thương tích nằm viện điều trị do hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo Ngây ra, cần phải bồi dưỡng sức khỏe, chế độ ăn uống khác với thường ngày nên yêu cầu này cần được xem xét chấp nhận một phần hai yêu cầu. Cụ thể là 23.900.000 đồng: 2 = 11.950.000 đồng.

- Về các khoản chi phí khác trong quá trình điều trị, gia đình tự kê khai:

Tiền gửi hộp sọ não của bà V 4.000.000 đồng; tiền nằm phòng tự nguyện 2.650.000 đồng; tiền gây mê 2.744.000 đồng, tiền mua sữa, bím, hoa quả, đồ dùng cá nhân và thuê người đến nhà tiêm, rửa vết thương 14.600.000 đồng.

HĐXX xét thấy: Mặc dù người yêu cầu không cung cấp được hoá đơn, chứng từ về các khoản chi phí nêu trên với tổng số tiền 23.994.000 đồng nhưng xét thực tế, đây là các khoản chi phí hợp lý mà gia đình bị hại đã phải bỏ ra để cứu chữa, chăm sóc bệnh nhân. Do vậy, yêu cầu này cần được xem xét chấp nhận toàn bộ.

- Về tiền mai táng phí gia đình tự kê khai:

Mua áo quan, thuê thợ kèn, bàn phật 18.000.000 đồng; thuê phòng rạp mai táng 6.500.000 đồng; tiền khăn, áo, hoa phục vụ tang lễ 3.100.000 đồng.

HĐXX xét thấy: Khoản chi phí mai táng phí cho bà V mà gia đình tự kê khai, không có hoá đơn, chứng từ hết tổng số tiền 27.600.000 đồng, đây là khoản chi phí mai táng phí H lý cho một đám tang bình thường tại địa phương hiện nay. Ngày 12/01/2026, bà V chết, nguyên nhân dẫn đến bà V chết được kết luận là: “*Suy hô hấp do viêm phế quản phổi trên người chấn thương sọ não đã phẫu thuật ghép xương sọ*”. Mặc dù, hành vi vi phạm của bị cáo Ngày 12/06/2025 chỉ gây thương tích, tổn hại sức khoẻ cho bà V 67%, chưa dẫn đến hậu quả bà V tử vong Ny tại chỗ. Nhưng hành vi vi phạm của bị cáo Ncũng là một phần nguyên nhân tác động mạnh dẫn đến việc bà V suy kiệt sức khoẻ, kết hợp với bản thân bà V bị suy hô hấp do viêm phế quản phổi dẫn đến bà V tử vong ngày 12/01/2026 nên yêu cầu này cần được xem xét chấp nhận một phần hai yêu cầu. Cụ thể là 27.600.000 đồng : 2 = 13.800.000 đồng.

- Về yêu cầu bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do hành vi vi phạm của bị cáo Ngây thương tích cho bà V mà bà V phải gánh chịu trước khi chết.

HĐXX xét thấy: Việc yêu cầu bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho bà V là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Việc bồi thường này do các bên tự thoả thuận, nếu không thoả thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khoẻ bị xâm phạm không quá 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (theo quy định mức lương cơ sở hiện nay là 2.340.000 đồng). Do các bên đương sự không tự thoả thuận được nên HĐXX căn cứ quy định của pháp luật để buộc bị cáo Nphải bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 10 tháng lương cơ sở. Cụ thể là 2.340.000 đồng x 10 = 23.400.000 đồng.

- Về yêu cầu bồi thường khoản tiền tổn thất thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại và người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị.

HĐXX xét thấy: Việc yêu cầu bồi thường khoản tiền tổn thất thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại và người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị là có căn cứ theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Về thu nhập thực tế của bà V bị mất: Bà V bị tai nạn phải nằm viện từ ngày 12/6/2025 đến ngày 12/01/2026 bà V chết. Trong khoảng thời gian này, bà V không đi làm, bị mất thu nhập là 07 tháng. Bà V làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không thể xác định được mức thu nhập hàng tháng của bà V nên sẽ căn cứ mức thu nhập bình quân đầu người của người dân xã H làm căn cứ giải quyết. Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 02/3/2026, UBND xã H cung cấp về mức thu nhập bình quân đầu người của người dân xã H năm 2025 là 6.520.000 đồng/người/tháng để làm căn cứ áp dụng thu nhập thực tế của bà V bị mất là 07 tháng x 6.520.000 đồng = 45.640.000 đồng. Ngoài ra, sau khi bà V ra viện, không đi làm được, không có thu

nhập cần có chi phí để phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất nên buộc bị cáo phải hỗ trợ cho bà V 02 tháng lương theo mức thu nhập bình quân đầu người nêu trên là 6.520.000 đồng x 02 tháng = 13.040.000 đồng.

+ Về yêu cầu bồi thường tổn thất thu nhập thực tế của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian nằm viện điều trị.

HĐXX xét thấy: Trong khoảng thời gian bà V nằm viện điều trị (từ ngày 12/6/2025 đến ngày 18/7/2025 là 37 ngày; từ ngày 17/8/2025 đến ngày 25/8/2025 là 09 ngày; từ ngày 09/9/2025 đến ngày 26/9/2025 là 18 ngày; từ ngày 06/11/2025 đến ngày 18/11/2025 là 13 ngày và từ ngày 04/12/2025 đến ngày 05/12/2025 ra viện là 02 ngày), tổng số là 79 ngày. Trong khoảng thời gian này, có lúc là chị H, có lúc là chị H1, có lúc là anh L nghỉ việc để chăm sóc bà V. Do người yêu cầu không thể chứng minh được cụ thể những ai nghỉ ngày nào nên sẽ tính tổn thất thu nhập trung bình cho 01 người chăm sóc bà V. Mặc dù có mất thu nhập nhưng không phải là mất thu nhập hoàn toàn (theo như giấy xác nhận lương của chị H1 và chị H thì có tháng làm đủ ngày công và có tháng làm không đủ ngày công nhưng vẫn được nhận lương tương ứng với số ngày công đi làm chứ không có tháng nào mất thu nhập hoàn toàn). Do vậy, sẽ tính trung bình ngày công không đi làm của 01 người bị mất thu nhập là 290.000 đồng/ngày x 79 ngày = 22.910.000 đồng.

Tổng các khoản buộc bị cáo N phải bồi thường là 229.740.448 đồng. Bị cáo N đã bồi thường 25.000.000 đồng ngay sau khi bà V bị tai nạn và ngày 29/5/2026 tự nguyện nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên số tiền 75.000.000 đồng để khắc phục một phần thiệt hại cho gia đình bị hại. Tổng số tiền bị cáo N đã bồi thường là 100.000.000 đồng, bị cáo N còn phải tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 129.740.448 đồng.

- Đối với thương tích của bị cáo N, bị cáo N từ chối giám định và không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với chiếc xe máy điện của bị cáo N bị hư hỏng, thiệt hại 850.000 đồng và chiếc xe đạp của bà V bị hư hỏng, thiệt hại 100.000 đồng. Bị cáo N và đại diện hợp pháp của bà V (chị H) không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với số tiền 100.000.000 đồng, ông Nguyễn Trọng Đ và bị cáo N bỏ ra để bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho gia đình bị hại, ông Nguyễn Trọng Đ tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với số tiền này nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng: 01 Chiếc xe máy điện biển số 89MĐ1-152.75, là tài sản H pháp của bị cáo N. 01 Chiếc xe đạp màu đỏ nhạt là của bà Nguyễn Thị V. Ngày 14/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các phương tiện trên cho bị cáo N và chị H là đại diện hợp pháp của bà V, bị cáo N và chị H đã nhận lại tài sản nên không đặt ra xem xét, xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 590 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài H đồng; Khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho UBND xã H và Công an xã H, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án được cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 229.740.448 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng). Bị cáo N đã tự nguyện bồi thường được số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) cho gia đình bị hại và tự nguyện nộp số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên theo biên lai thu tiền số BLTT/26E/0001587 ngày 29/5/2026 để khắc phục một phần thiệt hại cho gia đình bị hại, bị cáo còn phải bồi thường số tiền 129.740.448 đồng (một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Đại diện hợp pháp của gia đình bị hại có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải bồi thường cho đến khi thi hành án xong, nếu bị cáo N không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự sơ thẩm và 6.487.022 đồng (sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn không trăm hai mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đại diện của bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyền